

Số: 33/2017/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp bảo đảm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

Xét Tờ trình số 3675/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (có Phụ lục kèm theo).

b) Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách thời kỳ ổn định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 66/2011/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thông qua định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

(Handwritten signature)
Đàm Văn Eng

PHỤ LỤC

Một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 33/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
a	Xây dựng đề cương				
	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	900.000	800.000	600.000
	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.200.000	800.000	650.000
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	1.800.000	1.200.000	800.000
	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	300.000	200.000	100.000
c	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	300.000	250.000	150.000
d	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	150.000	120.000	95.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	100.000	85.000	70.000
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	85.000	70.000
	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	200.000	150.000	100.000
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	120.000	95.000	80.000
e	Lấy ý kiến thẩm định (Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch)	Bài viết	300.000	250.000	150.000
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	300.000	250.000	150.000
2	Chi thù lao tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật				
a	Thù lao tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp	Người/buổi		150.000	100.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	luật, nhóm nòng cốt.				
b	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (trường hợp không có báo cáo viên); thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi	Tùy theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại Điểm a của Mục này		
c	Thù lao tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 10% so với mức thù lao quy định tại Điểm a, b Mục này		
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù				
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	600.000	400.000	250.000
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	180.000	130.000	90.000
c	Câu chuyện pháp	Câu chuyện	940.000	600.000	400.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	đã hoàn thành			
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	3.000.000	2.000.000	1.000.000
4	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường				
a	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kèm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài) <i>Chi áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	Người/ngày	150.000		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b	Chi thuê người dẫn đường (không kiêm phiên dịch) <i>Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	Người/ngày	80.000		
5	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi				
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban Giám khảo, Ban Tổ chức và một số nội dung chi khác		Áp dụng Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng		
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:				
	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.200.000	600.000	300.000
	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ	Ngày	Chi theo thực tế		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	cuộc thi sân khấu				
	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	180.000	90.000	50.000
	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)		Thực hiện mức chi không quá 60% tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính		
c	Chi giải thưởng (theo cơ cấu được duyệt)				
	- Giải nhất	Giải thưởng			
	+ Tập thể		5.000.000	2.500.000	1.200.000
	+ Cá nhân		3.000.000	1.500.000	750.000
	- Giải nhì	Giải thưởng			
	+ Tập thể		3.500.000	1.800.000	900.000
	+ Cá nhân		1.500.000	800.000	400.000
	- Giải ba	Giải thưởng			
	+ Tập thể		2.500.000	1.300.000	600.000
	+ Cá nhân		1.000.000	500.000	250.000
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng			
	+ Tập thể		1.500.000	750.000	400.000
	+ Cá nhân		500.000	250.000	130.000
	- Giải phụ khác		250.000	130.000	60.000
6	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	thanh cơ sở				
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh (tính theo trang chuẩn 350 từ)	Trang		30.000	20.000
b	Bồi dưỡng phát thanh				
	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần			9.000
	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần			12.000

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng